

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 4 - 2024

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chí Thương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hoàng Minh Tân

- Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1968; (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Võ M, sinh năm 1963. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn C, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, bản trình bày và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ M sau một thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 1984 nhưng giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã thất lạc, chỉ có bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn trong cách sống và suy nghĩ dẫn đến thường xuyên cãi vã. Ông M còn có hành vi đánh đập bà và hiện nay bà đã chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Mặc dù hai vợ chồng đã lớn tuổi, bà cũng cố gắng để bảo vệ hạnh phúc gia đình nhưng ông Võ M không thay đổi, cuộc sống hôn nhân ngày càng trầm trọng, kéo dài. Nay xét thấy giữa bà và ông M tình cảm không còn nên bà yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ M.

Về con chung: Bà và ông Võ M có 03 con chung: Võ Thị Bích Đ, sinh ngày 05/6/1986, Võ Ngọc Đ1, sinh ngày 27/02/1988 và Võ Ngọc P, sinh ngày 27/12/1990. Hiện các con chung đã thành niên, có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*\* Tại biên bản làm việc ngày 12/3/2024, bị đơn ông Võ M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như bà Lê Thị L trình bày. Trong quá trình chung sống, ông và bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn, hiện bà L đã bỏ ra ngoài sống riêng. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

- Về con chung: Ông và bà Lê Thị L có 03 con chung: Võ Thị Bích Đ, sinh ngày 05/6/1986, Võ Ngọc Đ1, sinh ngày 27/02/1988 và Võ Ngọc P, sinh ngày 27/12/1990. Hiện các con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Hiện nay vì công việc và lớn tuổi không có thời gian, ông đề nghị tòa án xem xét giải quyết vắng mặt ông tại phiên tòa.

*- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Lê Thị L và ông Võ M đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/1984 tại UBND xã N, huyện T (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi; tại thời điểm kết hôn, bà L chưa đủ 17 tuổi là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa bà L và ông M là trái pháp luật. Tuy nhiên, bà L, ông M chung sống với nhau từ năm 1984 nên hôn nhân thực tế và được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông M nên Tòa án thụ lý giải quyết ly hôn là phù hợp tinh thần hướng

dẫn tại điểm d.1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Lê Thị L được ly hôn ông Võ M.

Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Võ M có ba con chung đã trưởng thành và trên 18 tuổi nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Võ M, cả hai đều cư trú tại xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ pháp luật khi giải quyết là “*Ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn là ông Võ M có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Võ M.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự đều thừa nhận bà Lê Thị L và ông Võ M có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 15/8/1984 tại UBND xã N, huyện T (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bị thất lạc, nguyên đơn chỉ cung cấp được bản sao giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã N trích sao ngày 25/02/2015 thể hiện bà L, ông M kết hôn vào ngày 15/8/1984. Xét thấy tại thời điểm kết hôn ngày 15/8/1984, bà L 16 tuổi 7 tháng 5 ngày là chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình 1986 nên việc kết hôn giữa bà L và ông M là trái pháp luật. Tuy nhiên, căn cứ điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông M là hôn nhân thực tế và hợp pháp.

Tại thời điểm khởi kiện xin ly hôn, bà L và ông M đã đủ tuổi theo luật định, trong thời gian qua vợ chồng chung sống bình thường, đã có con và tài sản chung. Nay bà L yêu cầu ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết ly hôn theo thủ tục chung, phù hợp với tinh thần hướng dẫn tại điểm d.1 Điều 2 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Trong quá trình sinh sống, giữa bà L và ông M thường xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bà L đã chuyển ra ngoài sinh sống và vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau. Nay bà L yêu cầu ly hôn ông M và ông M đồng ý ly hôn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà L và ông M có 03 con chung: Võ Thị Bích Đ, sinh ngày 05/6/1986, Võ Ngọc Đ1, sinh ngày 27/02/1988 và Võ Ngọc P, sinh ngày

27/12/1990. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà L và ông M trình bày không có.

[8] Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình 1986; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội ; Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L được ly hôn ông Võ M.

2. Về con chung: Bà L và ông Võ M có 03 con chung: Võ Thị Bích Đ, sinh ngày 05/6/1986, Võ Ngọc Đ1, sinh ngày 27/02/1988 và Võ Ngọc P, sinh ngày 27/12/1990. Hiện nay các con chung đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị L và ông Võ M đều trình bày không có.

5. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình; được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số: 0001459 ngày 16/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã Nghĩa Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Chí Thương**